

Số: /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 30/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 30/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 989/TTr-SNV ngày 14/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 30/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh;
- Đại học Thái Nguyên;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin và DVSN tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

Hattt/QĐ20

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Văn Lượng

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 30/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả Quyết định số 1685/QĐ-TTg; tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, cộng đồng doanh nghiệp và người lao động về vai trò, tầm quan trọng của việc nâng cao năng suất lao động gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới.

b) Cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu và lộ trình thực hiện của Quyết định số 1685/QĐ-TTg phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và điều kiện thực tiễn của tỉnh Thái Nguyên; góp phần nâng cao năng suất lao động, phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” của tỉnh trong giai đoạn phát triển mới.

2. Yêu cầu

a) Bám sát định hướng, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1685/QĐ-TTg; trên cơ sở đó, phân công nhiệm vụ gắn với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo nguyên tắc “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền”, gắn với việc tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất lao động gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong tình hình mới.

c) Xác định nâng cao năng suất lao động gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, liên ngành, thường xuyên và lâu dài; được đặt trong tổng thể đổi mới mô hình phát triển, mô hình tăng trưởng của tỉnh; dựa trên nền tảng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và nâng cao chất lượng

nguồn nhân lực; kết hợp hài hòa giữa nâng cao năng suất lao động với tạo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập và khả năng thích ứng của người lao động; giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa nhu cầu của thị trường lao động với đào tạo, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng; phát huy vai trò của Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, người lao động và các tổ chức có liên quan; coi năng suất lao động là động lực quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng “2 con số” của tỉnh trong giai đoạn phát triển mới.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tập trung quán triệt, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động về nâng cao năng suất lao động gắn với phát triển thị trường lao động

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về nâng cao năng suất lao động gắn với phát triển thị trường lao động, bảo đảm sát với tình hình thực tế và lĩnh vực phụ trách; coi đây là nhiệm vụ được thực hiện thường xuyên, lâu dài. Cụ thể hóa chủ trương nâng cao năng suất lao động gắn với phát triển thị trường lao động trong các chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin, truyền thông tổ chức tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và Nhân dân hiểu đúng, đầy đủ về tầm quan trọng của việc nâng cao năng suất lao động; trong đó, người lao động là chủ thể trực tiếp tham gia vào quá trình tạo ra năng suất, doanh nghiệp là nơi tổ chức sản xuất, huy động và phân bổ nguồn lực, ứng dụng công nghệ và chuyển hóa thành kết quả của năng suất; Nhà nước tạo lập môi trường để người lao động, doanh nghiệp vận hành hiệu quả, kết nối với nhau để nâng cao năng suất; coi năng suất lao động là động lực quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng “2 con số” và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong giai đoạn phát triển mới.

2. Hoàn thiện thể chế phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả gắn với nâng cao năng suất lao động

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ: (i) chủ động rà soát, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, giáo dục và đào tạo, hội nhập quốc tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và hoàn thiện chính sách xã hội; (ii) tập trung triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, chiến lược, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền ban hành liên quan đến nâng cao năng suất lao động, phát triển thị trường lao động, phát triển nguồn nhân lực và giáo dục nghề nghiệp; (iii) thường xuyên rà soát, lồng ghép, điều chỉnh

các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm đồng bộ, không trùng lặp và phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu hoàn thiện hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính và phát triển doanh nghiệp theo hướng gắn phân bổ nguồn lực với nâng cao năng suất lao động, tạo việc làm có năng suất cao và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu hoàn thiện hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách về đất đai, sử dụng tài nguyên gắn với nâng cao năng suất lao động.

d) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan: (i) rà soát, tham mưu hoàn thiện và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, quy hoạch thuộc lĩnh vực đô thị và nông thôn, gắn phát triển không gian đô thị với nâng cao năng suất lao động và tạo việc làm có năng suất cao; (ii) bảo đảm kết nối không gian phát triển đô thị với các hành lang kinh tế, vùng động lực, cực tăng trưởng, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy hoạch của tỉnh; (iii) từng bước kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho phân bố dân cư, lao động và phát triển thị trường lao động.

đ) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan: (i) chủ động rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và các quy định có liên quan; kịp thời tham mưu hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật bảo đảm phù hợp với các hình thức việc làm mới, việc làm trên nền tảng số và yêu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng cho người lao động; (ii) rà soát, tổ chức thực hiện các chính sách về tiền lương, thu nhập và đãi ngộ thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định, gắn với vị trí việc làm, trình độ, kỹ năng nghề, kết quả và năng suất lao động; (iii) rà soát, tham mưu triển khai thực hiện hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách phù hợp nhằm thu hút, sử dụng và trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, lao động có trình độ và kỹ năng cao.

3. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tạo việc làm có năng suất lao động cao

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan: (i) rà soát, tham mưu tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan theo hướng gắn với phân bổ dân cư, yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm có năng suất lao động cao để hình thành và phát triển các hành lang kinh tế, vùng động lực, cực tăng trưởng, góp phần nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế -

xã hội nhanh và bền vững; (ii) tham mưu và tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư theo hướng ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, quản trị hiện đại, sử dụng hiệu quả nguồn lực và tạo nhiều việc làm có chất lượng, năng suất và thu nhập cao; (iii) rà soát, đánh giá vai trò của doanh nghiệp trong nâng cao năng suất lao động; trên cơ sở đó, tham mưu hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng lực quản trị, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm có năng suất lao động cao; (iv) nghiên cứu, tham mưu triển khai các chương trình, chính sách thúc đẩy chuyển dịch khu vực kinh tế phi chính thức sang khu vực kinh tế chính thức.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan: (i) rà soát, tham mưu và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển việc làm có năng suất lao động cao trong lĩnh vực nông nghiệp, gắn với thúc đẩy cơ giới hóa, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; (ii) tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã; thúc đẩy chuyển dịch lao động giản đơn sang lao động có kỹ năng và trình độ chuyên môn kỹ thuật, từ việc làm phi chính thức sang việc làm chính thức.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tổ chức các hoạt động liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tri thức, nâng cao năng lực quản trị, năng lực đổi mới sáng tạo và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tăng tỷ lệ nội địa hóa, mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp trong nước vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị.

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu và tổ chức triển khai các chính sách, hoạt động hỗ trợ về việc làm, phát triển kỹ năng nghề, tiền lương, bảo hiểm xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch lao động từ khu vực có năng suất thấp sang khu vực có năng suất cao.

4. Nâng cao chất lượng lao động đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường trong giai đoạn mới

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan: (i) chỉ đạo các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, yêu cầu đổi mới công nghệ và nhu cầu sử dụng nhân lực của doanh nghiệp; (ii) tổ chức triển khai, nhân rộng các mô hình đào tạo nghề kép, cơ sở đào tạo thực hành, đào tạo theo đơn đặt hàng và đào tạo gắn với vị trí việc làm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chỉ đạo các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá và sử dụng người lao động sau đào tạo;

(iii) chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng trí tuệ nhân tạo, kỹ năng xanh, kỹ năng nghề và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động, nhất là người lao động trong các ngành, nghề chịu tác động mạnh của đổi mới công nghệ, tự động hóa và chuyển đổi số; (iv) tham mưu triển khai thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào hoạt động giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) để thu hút, sử dụng và phát huy đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chất lượng cao trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng để hình thành đội ngũ “nông dân chuyên nghiệp”, “nông dân số” có kỹ năng ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; tổ chức sản xuất theo mô hình kinh tế tuần hoàn; sử dụng, vận hành máy móc, thiết bị nông nghiệp hiện đại; tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng yêu cầu phát triển nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu triển khai hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp về tài chính, hỗ trợ doanh nghiệp nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia và nhà khoa học đến làm việc, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan: (i) rà soát, tổ chức thực hiện và đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện các quy định, chính sách có liên quan về tiền lương, thu nhập, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo điều kiện thu hút chuyên gia và nhà khoa học đến làm việc trên địa bàn tỉnh; (ii) rà soát, tham mưu hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, đào tạo lại và phát triển kỹ năng cho người lao động; (iii) phối hợp triển khai thực hiện các quy định về công nhận, đánh giá và chuẩn hóa kỹ năng nghề theo tiêu chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế.

5. Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo động lực tăng năng suất lao động

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ: (i) ưu tiên bố trí, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng số, dữ liệu số, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới

sáng tạo và các công nghệ nền tảng có khả năng lan tỏa, tạo động lực nâng cao năng suất lao động; (ii) đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hóa và các nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công và quản lý, vận hành các thị trường; (iii) tiếp tục triển khai và hoàn thiện các chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới mô hình quản trị, cải tiến quy trình sản xuất và nâng cao năng suất lao động.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan: (i) tiếp tục rà soát, tham mưu hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo hướng minh bạch, chuyên nghiệp, kết nối hiệu quả; nâng cao năng lực của các sàn giao dịch công nghệ, tổ chức trung gian, dịch vụ tư vấn, môi giới, đánh giá, định giá và chuyển giao công nghệ; (ii) phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo gắn với thị trường khoa học và công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, tiếp nhận, khai thác, làm chủ và cải tiến công nghệ phù hợp với quy mô, năng lực và nhu cầu sản xuất, kinh doanh; (iii) đổi mới việc đặt hàng nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, kết quả đầu ra, khả năng thương mại hóa và tác động thực chất đến nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực và tạo ra giá trị gia tăng cao. Gắn hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ với xác lập, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ và chuyển giao công nghệ từ cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục vào sản xuất, kinh doanh; (iv) rà soát, tham mưu nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định; đổi mới phương thức hỗ trợ, tài trợ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo theo hướng tăng tính linh hoạt, tăng cường đánh giá theo kết quả và tác động; thúc đẩy hợp tác công - tư, liên kết giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và làm chủ công nghệ; (v) xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với các chỉ tiêu đo lường năng suất lao động, làm cơ sở đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực và mức độ lan tỏa của công nghệ, từng bước hình thành hệ thống quản trị, theo dõi năng suất lao động của tỉnh dựa trên dữ liệu.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan nghiên cứu, ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ, thiết bị thông minh và công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại.

6. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan: (i) chủ trì, phối hợp với Đại học Thái Nguyên tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, tập trung vào nhân lực chất lượng cao, nhân lực kỹ thuật, nhân lực số và nhân lực phục vụ các ngành, lĩnh vực chiến lược, then chốt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tiễn của tỉnh; (ii) phát triển hệ thống học tập suốt đời, tạo điều kiện để người lao động thường xuyên học tập, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng; thúc đẩy chuyển mạnh từ coi trọng bằng cấp sang coi trọng kỹ năng nghề, năng lực thực hành, khả năng thích ứng và hiệu quả công việc; (iii) chỉ đạo các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tăng cường đổi mới mô hình đào tạo; tăng cường liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phát triển các chương trình đào tạo kỹ sư thực hành, nhân lực kỹ thuật cao và các ngành, nghề mới phát sinh từ quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, già hóa dân số và đổi mới công nghệ; (iv) đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp sau trung học cơ sở; nghiên cứu, triển khai mô hình đào tạo nghề sau trung học cơ sở (trung học nghề 9+) theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tích hợp giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm người học vừa hoàn thành chương trình giáo dục trung học, vừa đạt trình độ nghề, bảo đảm khả năng liên thông và tạo điều kiện để người học sớm tham gia thị trường lao động; (v) nghiên cứu, phối hợp với Đại học Thái Nguyên phát triển các mô hình, hệ sinh thái đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn với các ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh; chú trọng phát huy vai trò của doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tham gia, đầu tư cho đào tạo, phát triển nhân lực chất lượng cao, góp phần tạo việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động; (vi) tăng cường hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu, trao đổi chuyên gia, chuyển giao công nghệ, công nhận văn bằng, chứng chỉ; tiếp thu có chọn lọc các mô hình đào tạo tiên tiến; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan: (i) rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực chất lượng cao, nhân lực kỹ thuật cho các ngành nông nghiệp chủ lực của tỉnh; (ii) tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cơ giới hóa, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp; nâng cao năng lực vận hành, khai thác, sử dụng và làm chủ máy móc, thiết bị nông nghiệp hiện đại, hệ thống tự động hóa và điều khiển thông minh.

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan: (i) rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực chất lượng cao, nhân lực kỹ thuật thuộc các ngành, lĩnh vực công nghiệp và thương mại gắn với yêu cầu phát triển ngành và nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

(ii) tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và cơ sở giáo dục, đào tạo theo nhu cầu, đặt hàng, gắn với đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

7. Thúc đẩy phát triển việc làm bền vững, chú trọng bảo đảm an sinh xã hội

a) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan: (i) rà soát, tổ chức thực hiện và đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện các chính sách về việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và an sinh xã hội theo hướng gắn với nâng cao năng suất lao động, chất lượng việc làm, thu nhập, điều kiện làm việc và khả năng thích ứng của người lao động; (ii) phối hợp phát triển, vận hành hiệu quả mạng lưới an sinh xã hội trên nền tảng số; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin về lao động, việc làm với các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định; (iii) triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; phát triển môi trường làm việc an toàn, quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, góp phần duy trì nguồn nhân lực và nâng cao năng suất lao động bền vững.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát, tổ chức thực hiện quy hoạch và thúc đẩy các cơ chế, chính sách phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ người lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao và khu vực tập trung đông người lao động; ưu tiên phát triển thị trường nhà ở cho người lao động thuê.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tổ chức thực hiện các cơ chế hỗ trợ tài chính, chương trình tín dụng chính sách hỗ trợ tạo việc làm, đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động chịu tác động của suy giảm kinh tế, chuyển đổi công nghệ, tự động hóa, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và quá trình chuyển đổi xanh; ưu tiên lao động khu vực nông nghiệp, góp phần ổn định sinh kế và phát triển việc làm bền vững.

d) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách tín dụng, trong đó có cho vay giải quyết việc làm, cho vay học sinh, sinh viên và các chương trình tín dụng chính sách khác theo quy định, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

8. Tập trung phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, hiệu quả gắn với nâng cao năng suất lao động

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ phụ trách: (i) theo dõi, đánh giá, dự báo tình hình thị trường lao động; kịp thời triển khai các giải pháp phòng ngừa, điều tiết nguồn nhân lực, hạn chế tình trạng thiếu hụt hoặc dư thừa lao động cục bộ trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn và thời điểm quan trọng; (ii) nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác

quản lý, cung cấp dịch vụ công; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và cải cách thủ tục hành chính; (iii) tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin về thị trường lao động, dự báo nhu cầu nhân lực và hỗ trợ dịch chuyển lao động an toàn, hợp pháp, hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ và quy định.

b) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan: (i) nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thị trường lao động; nâng cao năng lực điều phối, kết nối và phân bổ nguồn lực lao động theo hướng hiện đại, minh bạch, linh hoạt, liên thông và dựa trên dữ liệu; (ii) tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo hiểm xã hội, giáo dục, đào tạo, đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định; (iii) hình thành hệ sinh thái kết nối cung - cầu lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống giao dịch việc làm trên địa bàn tỉnh; đầu tư, hiện đại hóa hệ thống dịch vụ việc làm công theo hướng chuyên nghiệp, số hóa, liên thông, cung cấp đầy đủ các dịch vụ thông tin, tư vấn, giới thiệu việc làm, hướng nghiệp, đánh giá kỹ năng, hỗ trợ chuyển đổi nghề và kết nối cung - cầu lao động; thúc đẩy chuyển dịch lao động từ khu vực có năng suất lao động thấp sang khu vực có năng suất lao động cao; (iv) nâng cao năng lực thu thập, phân tích, đánh giá và dự báo thị trường lao động, nhu cầu nhân lực, nhân lực số và nhu cầu kỹ năng nghề theo ngành, lĩnh vực và địa bàn; cung cấp kịp thời thông tin phục vụ công tác hoạch định chính sách, đào tạo nhân lực và điều tiết thị trường lao động; (v) khuyến khích hiệp hội ngành, nghề, doanh nghiệp, tổ chức công đoàn và các tổ chức xã hội tham gia cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề, kết nối việc làm và phát triển kỹ năng; (vi) phối hợp triển khai, áp dụng các chỉ số đánh giá về chất lượng lao động, việc làm bền vững, việc làm chất lượng và năng suất cao, việc làm công bằng và trách nhiệm xã hội theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ các nguồn:

a) Nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Các khoản viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

c) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động bố trí kinh phí hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này theo quy định của pháp luật.

3. Việc bố trí và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch được lồng ghép với nguồn lực của các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án và kế hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật; bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực, không trùng lặp về địa bàn, đối tượng thụ hưởng và nội dung hỗ trợ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Quyết định số 1685/QĐ-TTg và Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; trường hợp cần thiết, ban hành văn bản hoặc kế hoạch để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao chủ trì từng nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện; chủ động phân công lãnh đạo phụ trách, đầu mối tham mưu, xác định tiến độ chi tiết và tổ chức thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền. Cơ quan, đơn vị phối hợp có trách nhiệm chủ động thực hiện phần việc được giao, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu và phối hợp xử lý các nội dung liên quan theo đề nghị của cơ quan chủ trì. Đối với nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của tỉnh, cơ quan chủ trì tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định hoặc tổ chức thực hiện theo quy định; đối với nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của cơ quan Trung ương, cơ quan chủ trì thực hiện rà soát, tổng hợp, tham gia ý kiến, đề xuất, kiến nghị và tổ chức triển khai sau khi có quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND cấp xã tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 1685/QĐ-TTg và Kế hoạch này; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các Kế hoạch của UBND tỉnh có liên quan¹; chủ động rà soát, lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp với các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền ban hành có liên quan đến nâng cao năng suất lao động, phát triển thị trường lao động, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm đồng bộ, không trùng lặp, chồng chéo và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện. Định kỳ hằng năm trước ngày **30 tháng 11** hoặc đột xuất khi có yêu cầu, gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

¹ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/11/2025 về thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 13/5/2026 về nâng cao năng suất lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 19/6/2026 về triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm chỉ tiêu về lao động, việc làm, góp phần tăng trưởng 02 con số năm 2026 và các năm tiếp theo.

4. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND cấp xã theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ, UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện; kịp thời đề xuất, kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định số 1685/QĐ-TTg và Kế hoạch này, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND cấp xã chủ động đề xuất, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả	Thời hạn
1	Rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong thực hiện cơ chế, chính sách về đất đai, sử dụng tài nguyên gắn với nâng cao năng suất lao động; tham gia ý kiến, đề xuất hoàn thiện khi có yêu cầu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả rà soát, đề xuất	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền
2	Rà soát, tham mưu hoàn thiện và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, quy hoạch về phát triển và kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thị trường lao động và nâng cao năng suất lao động	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả tham mưu, triển khai	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền
3	Rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về việc làm, bảo hiểm xã hội và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tham gia ý kiến, đề xuất hoàn thiện khi có yêu cầu	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả rà soát, đề xuất	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền
4	Rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; tham gia ý kiến, đề xuất hoàn thiện khi có yêu cầu	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả rà soát, đề xuất	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền
5	Theo dõi, tổng hợp những vấn đề phát sinh từ thực tiễn thi hành pháp luật lao động; tham gia ý kiến, đề xuất sửa đổi, bổ sung khi có yêu cầu	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả rà soát, đề xuất	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả	Thời hạn
6	Rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách thu hút, sử dụng chuyên gia nước ngoài trên địa bàn tỉnh; tham gia ý kiến, đề xuất hoàn thiện khi có yêu cầu	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả rà soát, đề xuất	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền
7	Rà soát, nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao tham gia giảng dạy, nghiên cứu phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đại học Thái Nguyên, Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả rà soát, đề xuất	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền
8	Triển khai, nhân rộng mô hình đào tạo nghề kép, cơ sở đào tạo thực hành theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đại học Thái Nguyên, các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền
9	Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ đào tạo công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đại học Thái Nguyên; Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt
10	Triển khai chương trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI); đào tạo, đào tạo lại và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Đại học Thái Nguyên; Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp liên quan	Kết quả triển khai	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả	Thời hạn
11	Triển khai chương trình thí điểm cơ chế Nhà nước và doanh nghiệp cùng đặt hàng đào tạo theo đầu ra đối với các ngành mũi nhọn; “Mô hình phát triển nhân lực chất lượng cao” tại các địa bàn chiến lược theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Đại học Thái Nguyên; các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp liên quan	Kết quả triển khai	Theo quy định, hướng dẫn
12	Nghiên cứu, tham mưu triển khai các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, sử dụng và phát huy đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chất lượng cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả tham mưu, triển khai	Theo quy định, hướng dẫn
13	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, từng bước hình thành đội ngũ “nông dân chuyên nghiệp”, “nông dân số”	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo quy định, hướng dẫn
14	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo quy định, hướng dẫn
15	Triển khai, nhân rộng các mô hình, cơ sở đào tạo thực hành khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu thực tiễn và kết quả đầu ra; tăng cường hợp tác công - tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo quy định, hướng dẫn

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả	Thời hạn
16	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với các chỉ tiêu đo lường năng suất lao động	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Hệ thống thông tin, dữ liệu được cập nhật	Theo lộ trình triển khai
17	Rà soát, triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, đổi mới quy trình sản xuất, đổi mới quản trị, nâng cao năng suất và chất lượng; tham gia đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách có liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo chương trình, đề án và quy định hiện hành
18	Nghiên cứu, triển khai mô hình giáo dục trung học nghề theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Kết quả triển khai	Theo quy định, hướng dẫn
19	Chỉ đạo triển khai việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhân lực kỹ thuật, kỹ sư thực hành đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm phù hợp với nhu cầu nhân lực của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đại học Thái Nguyên; các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo tiến độ của các chương trình
20	Phối hợp rà soát, nghiên cứu, tham mưu triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đối với Quỹ phát triển nhân lực chất lượng cao khi có yêu cầu	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo yêu cầu
21	Triển khai các giải pháp phát triển mạng lưới an sinh xã hội trên nền tảng số; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu về lao động, việc làm với các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định và lộ trình triển khai	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo lộ trình triển khai

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả	Thời hạn
22	Phối hợp triển khai, áp dụng các tiêu chí, chỉ số theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng lao động, việc làm và các nội dung liên quan theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền
23	Khuyến khích các hiệp hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan tham gia cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, đánh giá kỹ năng, kết nối việc làm, phát triển kỹ năng và thúc đẩy việc làm chất lượng	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Thường xuyên
24	Tiếp tục xây dựng, cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu theo quy định	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Cơ sở dữ liệu được cập nhật	Thường xuyên
25	Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống giao dịch việc làm trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và tăng cường kết nối, liên thông trong hoạt động kết nối cung - cầu lao động	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Thường xuyên
26	Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm công theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, liên thông	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Thường xuyên

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/ Kết quả	Thời hạn
27	Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng và triển khai các chương trình, đề án nâng cao năng lực phân tích, dự báo thị trường lao động; nâng cao chất lượng công tác phân tích, đánh giá và dự báo thị trường lao động trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Kết quả triển khai	Theo chương trình, đề án và yêu cầu
28	Thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá và cung cấp thông tin về thị trường lao động, nhu cầu nhân lực và nhu cầu kỹ năng phục vụ hoạch định chính sách, đào tạo nhân lực và điều tiết thị trường lao động trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Báo cáo, thông tin thị trường lao động	Định kỳ hằng năm và khi có yêu cầu